TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2026/DS-ST
Ngày 17 – 6– 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới

Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Trân– Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Hoàng N, sinh ngày 01/01/1965 (có mặt).

Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh ngày 01/01/1971

Bà Nguyễn Thị Út H1

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Hoàng N1 và Huỳnh Thị M trình bày:

Vào ngày 22/01/2022, nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Út H1 vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), việc vay tiền ông H có làm giấy mượn tiền viết tay. Tuy nhiên thời gian kéo dài cho đến nay, bị đơn vẫn không trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Út H1 trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ngày 02/4/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Út H1 và chỉ yêu cầu ông Trần Thanh H chịu trách nhiệm trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh H, bà Nguyễn Thị Út H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã bảo đảm để thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Nguyễn Thị Út H1; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Trần Thanh H, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng; về án phí: buộc bị đơn Trần Thanh H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng

xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Huỳnh Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về chứng cứ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình chứng cứ là bản gốc "Giấy mượn tiền" ngày 22/01/2022. Chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay phủ nhận việc vay tiền. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh và dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4.2] Xét nội dung chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn có vay và nhận số tiền 25.000.000 đồng của nguyên đơn, không thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể. Do đó, chỉ có cơ sở xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Trong vụ án này, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng đến nay chưa trả cho nguyên đơn, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng.

[4.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Về chủ thể có nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù trong giấy vay tiền có chữ ký mang tên ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị

Út H1 tại phần người vay tiền, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Nguyễn Thị Út H1 có nhân thân, nơi cư trú rõ ràng theo địa chỉ ghi trong giấy vay tiền. Mặt khác, theo Văn bản số 40/CAX-CSKV ngày 30/01/2026 của Công an xã T thể hiện bà Nguyễn Thị Út H1 không có thông tin quản lý hoặc cư trú thực tế tại địa chỉ ghi trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh, tống đạt theo quy định nhưng không xác định được nơi cư trú hợp pháp của bà H1 để tham gia tố tụng. Như vậy, ngoài việc xuất hiện chữ ký và họ tên trong giấy vay tiền thì không có tài liệu, chứng cứ khách quan nào khác xác định đầy đủ nhân thân, địa chỉ cư trú và sự tham gia thực tế của bà H1 trong giao dịch vay tài sản nêu trên. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giao tiền vay trực tiếp cho ông Trần Thanh H nhận, bà H1 có mặt và ký tên vào. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có đủ căn cứ xác định ông Trần Thanh H là người trực tiếp xác lập giao dịch vay tài sản, ký nhận tiền và cam kết hoàn trả khoản vay cho nguyên đơn nên cần buộc ông H có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Út H1 về việc liên đới trả số tiền nợ vay 25.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N1, bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn ông Trần Thanh H.

Buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng N1, bà Huỳnh Thị M số tiền vay là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N1, bà Huỳnh Thị M đối về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Út H1 liên đới trả nợ.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Thanh H phải chịu 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M được nhận lại 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006216 ngày 20 tháng 10 năm 2025 và biên lai số 0008115 ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tựnguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thanh Ngân